

Số: **390/2025/QĐST-HNGĐ**

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 258/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn T**, sinh năm 1991;

Nơi thường trú: Số nhà 52, tổ dân phố 04, phường N, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Đỗ G**, sinh năm 1981;

Nơi thường trú: Số nhà 52, tổ dân phố 04, phường N, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 12 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn T và anh Đỗ G.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2014, quyền số 01/2014 ngày 25/9/2014 của Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang nay là Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Tuyên Quang).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung **Đỗ M**, sinh ngày 16/4/2015 cho chị Nguyễn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **Đỗ G** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/ tháng, từ tháng 01 năm 2026 cho

đến khi con chung Đỗ M đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Anh Đỗ G có quyền thăm con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn T và anh Đỗ G đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Nguyễn T và anh Đỗ G đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn T tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001059, ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Nguyễn T số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Đỗ G phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 -Tuyên Quang (02 bản);
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND phường N, tỉnh Tuyên Quang (nơi đăng ký KH);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND khu vực 1 - Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương Giang

